

ĐÔ THỊ HOÁ VÀ MỘT SỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN GIA ĐÌNH Ở HÀN QUỐC

TRẦN MẠNH CÁT*

Trong vòng 30 năm công nghiệp hóa, Hàn Quốc luôn là một quốc gia dẫn đầu thế giới về tốc độ phát triển kinh tế. Từ một nước nông nghiệp nghèo, Hàn Quốc đã mau chóng trở thành một quốc gia công nghiệp mới, đã được chính thức kết nạp làm thành viên thứ 25 của OECD tháng 10/1996. Trong vòng 3 thập kỷ từ năm 1962 đến năm 1994, tổng sản lượng quốc dân của Hàn Quốc đã tăng từ 2,3 tỷ USD lên 380,5 tỷ USD với GDP/đầu người đã tăng từ 87 USD lên 8.800 USD và đến năm 1996, GNP/đầu người đã vượt con số 10.000 USD. Với mức thu nhập quốc dân bình quân đầu người trong suốt thời gian 30 năm (1960-1990) thường xuyên tăng trên 7%, đời sống của người dân ngày một nâng cao, lối sống có nhiều thay đổi. Công nghiệp hóa, cùng với nó là đô thị hóa với những dòng người không lờ đờ dồn về các đô thị và các khu công nghiệp đã làm tái phân bố dân cư trên phạm vi toàn quốc cũng như phá vỡ cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống, trong đó có gia đình. Bài viết này chỉ đề cập tới cơ cấu, quy mô gia đình truyền thống và gia đình hiện đại.

1. Đô thị hóa

Vào thế kỷ XVIII-XIX, Seoul mới chỉ là điểm cư dân với dân số 190.000 người. Điều này rất tương phản với Edo (Tokyo sau này) của Nhật Bản với dân số lúc đó đã lên đến 1 triệu người và dân cư đô thị đã chiếm 15% dân số toàn quốc. Trong khi đó, đến cuối thời Choson và vào những năm đầu Nhật Bản cai trị Hàn

Quốc (đầu những năm 1910), cư dân đô thị mới chỉ đạt 3% dân số toàn quốc. Sau năm 1930, khi đó Nhật Bản bắt đầu phát triển công nghiệp ở bán đảo Triều Tiên, làm cho cư dân đô thị bắt đầu gia tăng, đạt 11,6% vào năm 1940.

Giữa năm 1945 và năm 1985, dân cư đô thị của Hàn Quốc tăng từ 14,5% lên 65,4%. Đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX, theo Bộ kế hoạch, dân cư đô thị là 78,3%. Như các quốc gia phát triển khác, việc tăng nhanh cư dân đô thị, không phải do mức tăng tự nhiên hàng năm mà là do sự di dân từ nông thôn ra thành thị.

Vào đầu những năm 1970, Chính quyền Park Chung Hee đã phát động phong trào Saemaul Undong (xây dựng nông thôn mới), nhằm nâng cao điều kiện sống cũng như thu nhập của người dân nông thôn, lấp bớt khoảng cách giữa cư dân nông thôn và cư dân đô thị. Nhà nước đã đầu tư vào các cơ sở hạ tầng như trường học, hệ thống thủy nông, những xí nghiệp công nghiệp. Song, cũng giống như ở Nhật Bản, cuộc sống đa dạng và việc làm với thu nhập cao vẫn hấp dẫn cư dân nông thôn, nhất là đối với tầng lớp thanh niên, trong khi đó, đất đai trồng trọt ở nông thôn ngày càng thu hẹp. Cũng vào những năm 1980, hầu như các làng làm nông nghiệp và các làng làm nghề đánh bắt cá chỉ còn lại người già, và một số ít người có đủ sức khỏe làm việc trên cánh đồng hoặc làm công việc đánh bắt cá, thu lượm hải sản. Theo số liệu thống kê, giai đoạn 1986-1987, tỷ lệ người từ 50 tuổi trở lên sống ở các làng quê tăng

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

từ 28,7% năm 1986 lên 30,6% năm 1987, trong khi đó, số người trong độ tuổi trên dưới hai mươi sống ở các làng quê giảm từ 11,3% xuống còn 10,8%.

Năm 1985, thành phố lớn nhất Hàn Quốc là Seoul (9.645.932 người), Pusan (3.516.800), Taegu (2.030.672), Inch'on (1.387.491), Kwangju (906.129) và Taejon (866.695). Đến đầu năm 1990, dân số của Seoul đã vượt qua con số 10 triệu người, với mức tăng dân số trung bình hàng năm trên 3%, phần lớn do các luồng di cư về thành phố. Số liệu thống kê cũng cho thấy, đầu những năm 1990, ban ngày số người đi lại ở khu vực buôn bán ở Seoul tăng gấp sáu lần cư dân ở khu vực này. Hiện nay, Hàn Quốc có kế hoạch chuyển thủ đô về thành phố Taejon và một số công sở đã di chuyển về đây.

Tốc độ đô thị hóa ở Hàn Quốc diễn ra rất nhanh, hình thành những thành phố lớn, đồng thời cũng là những trung tâm buôn bán, dịch vụ. Những năm đầu của thế kỷ XX, dân số Seoul đã chiếm hơn ¼ dân số cả nước. Những thành phố ở các tỉnh có tốc độ đô thị hóa nhanh hơn thủ đô Seoul, nhất là các thành phố nằm ở vùng duyên hải vùng tây nam, những thành phố cảng biển của tỉnh Pusan như: Masan, Yosu, Chinhae, Ulsan. Số liệu thống kê cũng cho thấy, dân cư của thành phố Ulsan đã tăng 18 lần, từ 3 vạn người lên 56 vạn người trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1985. Tất cả những thành phố thuộc tỉnh Kyongsang được lấp đầy những những nhà máy, hoặc những dự án của chính phủ. So sánh với dân số của tỉnh Kwangju, thủ phủ của tỉnh Nam Cholla, tăng gần ba lần trong thời gian từ năm 1960 đến năm 1985 từ 315.000 người lên 906.129 người.

Đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh nhiều vấn đề giống như các nước phát triển và đang phát triển khác. Việc xây dựng số lượng lớn những tòa nhà cao tầng ở Seoul và các thành phố lớn khác đã đáp ứng phần nào nạn thiếu thốn nhà cửa ở khu vực đô thị. Nhưng đối với hàng ngàn gia đình mới di cư ra khu vực đô thị vẫn không thể thuê được chỗ ở do không thể trả được số tiền thuê nhà hàng tháng đối với những căn hộ mới xây dựng. Vào cuối những năm 1980, nhiều khu nhà ổ chuột vẫn còn tồn tại ở một số khu vực của thành phố Seoul. Mặc dù Chính phủ đề ra khẩu hiệu xây dựng nhà cửa cho mọi người, song trong thực tế, nhà cửa vẫn tập trung vào tay một số người giàu và lớp người buôn bán bất động sản. Sự tập trung các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan nhà nước ở khu vực đô thị, sự gia tăng ùn tắc giao thông, sự sử dụng than đá để sưởi ấm vào những tháng mùa đông giá lạnh làm ô nhiễm môi trường ở khu vực đô thị.

Đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh, cùng với đó nhiều nhà máy, công xưởng được xây dựng tập trung ở khu vực đô thị, đã thu hút số lượng lớn các dòng người di cư từ nông thôn. Những người từ nông thôn ra thành thị tìm kiếm công ăn việc làm và định cư nơi ở mới, chủ yếu là tầng lớp thanh niên. Sự sáo trộn lại sự phân bố dân cư khắp đất nước đã phá vỡ trật tự xã hội và gia đình theo truyền thống.

2. Gia đình truyền thống

Gia đình truyền thống của Hàn Quốc cũng như Nhật Bản đều theo chế độ gia trưởng. Nhiệm vụ quan trọng của mỗi gia đình là làm sao có được nhiều con trai để nối dõi, tiếp tục sự tồn tại của dòng họ, thực hiện các nghi lễ, giỗ tết đối với tổ

tiên cũng như việc trông coi phần mộ. Theo tập tục, người con trai cả sẽ là người điều hành gia đình sau khi người cha qua đời và được thừa kế nhà cửa, và phần lớn đất đai canh tác, do người cha để lại. Những người con trai thứ cũng được chia phần nhưng ít hơn so với người con trai cả. Tục thờ cúng tổ tiên, là luân thường đạo lý mang tính xã hội và cũng là tôn giáo. Cũng như nhiều quốc gia khác theo đạo Phật, người Hàn Quốc cũng tin vào cuộc sống ở thế giới bên kia sau khi chết, cũng như sự đầu thai trở lại ở nơi nào đó, nhưng vẫn tồn tại. Do vậy, những người chết có những tác động nhất định đối với những người đang sống. Con cháu, nhất là những người có nhiều may mắn trong cuộc sống càng cần phải làm tròn những bổn phận với những người đã khuất bằng cách thực hiện những ngày giỗ tết hàng năm.

Theo truyền thống, mục đích của hôn nhân là để sinh ra những đứa con trai nối dõi, kế thừa gia sản cũng như có trách nhiệm trông nom bố mẹ già. Những cuộc hôn nhân đều do cha mẹ (hoặc cha mẹ thông qua mối lái) sắp đặt. Những người làm công việc mối lái, thường là những người đàn bà đã đứng tuổi, làm nhiệm vụ đàm phán giữa hai bên gia đình. Theo chế độ một vợ một chồng và những luật tục thời trước, nhiều khi cô dâu chỉ mới biết mặt chú rể vào ngày cưới. Những đám cưới như vậy, theo phần đông các nhà xã hội học Hàn Quốc, đã mất dần ở các thành phố vào những năm 1930 của thế kỷ XX.

Hệ thống thân tộc truyền thống của người Hàn Quốc được xác định bởi nhiều yếu tố khác nhau trong mối liên quan tới tục thờ cúng tổ tiên rất phức tạp. Nhìn chung, các nhà Dân tộc học Hàn Quốc

đều cho rằng, tục thờ cúng này có bốn cấp độ, bắt đầu trong phạm vi hộ gia đình là cấp độ thấp nhất và đạt đến cấp độ cao nhất là phạm vi thị tộc (clan) bao gồm số lượng lớn các thành viên, cư trú trên địa bàn rộng lớn. Hộ gia đình (*chip* hay *jip*, theo tiếng Hàn Quốc), bao gồm chồng, vợ và con cái của họ; nếu như chồng là người con trai cả thì có thêm cha mẹ đẻ của người chồng. Hộ gia đình của người con trai cả, đó là hộ gia đình gốc, được người Hàn Quốc gọi là “hộ gia đình lớn” (*k'unjip*), còn những hộ gia đình của những người con trai thứ là những hộ gia đình nhánh, đó là “những hộ gia đình nhỏ” (*chagunjip*) chỉ bao gồm chồng, vợ và con cái của họ. Thông qua hộ gia đình người con trai cả, là dòng chính thống, sự kế thừa quyền lợi và trách nhiệm được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Điều này cũng thấy có tương tự ở Nhật Bản và cả ở nước ta. Người con trai cả còn có nghĩa vụ thực hiện những ngày cúng giỗ tổ tiên, còn vợ của anh ta phải có nghĩa vụ sinh con cho được người con trai để nối dõi. Mức độ thứ hai trong hệ thống thân tộc, đó là *tangnae* (nhóm người than khóc, đúng hơn là nhóm người để tang nhau), bao gồm tất cả con cháu của ông bà tổ tiên tính theo dòng cha theo bốn đời. Vai trò của *tangnae* là tổ chức và thực hiện những nghi lễ ở khu nghĩa địa của dòng họ. Người đứng đầu (dĩ nhiên là người đàn ông) của *tangnae* sẽ thay mặt tất cả thành viên, đọc những lời khấn cũng như những lời thỉnh cầu tổ tiên.

Những nghi lễ tương tự cũng được con cháu đứng ở bậc thứ ba (*p'a*) trong hệ thống thân tộc thực hiện. *P'a* có thể chỉ là một số nhỏ các gia đình, nhưng trong một số trường hợp bao gồm đến hàng

ngàn hộ gia đình. *P'a* có nghĩa vụ phải thực hiện những nghi lễ thờ cúng tổ tiên đến năm đời. Suốt triều đại Choson, *P'a* chiếm hữu đất đai, nghĩa địa, những nhà thờ họ. Mùa màng thu hoạch trên đất chung của *p'a* được dùng vào những công việc thờ cúng của dòng họ. Ruộng đất công của *p'a* ở Hàn Quốc cũng na ná như ruộng hương hỏa (mà mùa màng thu hoạch được trên các thửa ruộng trên chủ yếu được sử dụng trong các lần cúng tế) của các dòng họ của người Việt trong các làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám. *P'a* cũng thực hiện một số chức năng khác như: Giúp đỡ những thành viên nghèo khó, túng thiếu cũng như trẻ em của *p'a* trong việc học hành và giám sát các thành viên về mặt đạo đức.

Mức độ thứ tư, bao trùm lên tất cả các cấp độ quan hệ họ hàng, đó là thị tộc, hoặc nói chính xác hơn là *tongjok* theo tiếng Hàn Quốc (họ của những nhóm người có chung nguồn gốc). Những người cùng một *tongjok* cùng mang chung dòng họ và có nguồn gốc từ thời xa xưa trước đây. Do vậy, tính cố kết của các thành viên trong cùng *tongjok* không chặt chẽ bằng *P'a*. *Tongjok* có thể lược trong lịch sử người hàn Quốc là những *Tongjok* mà trong đó có người nổi tiếng. Ví dụ, *Tongjok* trong đó có Chonju Yi, người xuất thân ở vùng Chonju, bắc tỉnh Cholla và là người sáng lập nên triều đại Choson. Yi Song-gye và Kimhae Kim là những người sáng lập ra vương quốc cổ đại ở Kaya, một trong những kinh đô của Vương triều Silla (từ năm 668 đến năm 935 sau công lịch).

Hiện nay, theo các nhà Dân tộc học, ở Hàn Quốc có khoảng 249 dòng họ. Dòng họ đông người nhất, đó là dòng họ Kim

(chiếm khoảng 22% dân số), Li hoặc Yi (chiếm khoảng 15% dân số), Pa hoặc Park (chiếm khoảng 8,5% dân số), Ch'oe (4,8%) và Chong (4,2%). Tuy vậy, có khoảng 150 chi, nhánh có cùng nguồn gốc mang tên Kim, 95 chi nhánh mang tên Yi, 35 chi mang tên Pak, 40 chi mang tên Ch'oe và 27 chi mang tên Chong.

Trong nhiều trường hợp nếu không phải là tất cả, chức năng thật sự trong cuộc sống hàng ngày của *Tongjok* trong mỗi làng quê, là xác định rõ các nhóm tộc người để cho phép họ có thể thiết lập hôn nhân với nhau hay không. Do bởi luật lệ rất cứng nhắc của cư dân theo chế độ hôn nhân ngoại tộc (exogam), người trong một số *Tongjok* không được phép kết hôn với nhau. Sự cấm đoán như vậy được thiết lập thời triều đại Choson và được luật pháp hiện hành của Hàn Quốc phê chuẩn. Với sự đấu tranh của giới phụ nữ, đầu những năm của thế kỷ XX, luật hôn nhân và gia đình ở Hàn Quốc đã sửa đổi một số điểm, cho phép những người cùng họ, cùng ông tổ, bốn đời được lấy nhau. Tuy nhiên, sự sửa đổi này bị phe bảo thủ trong quốc hội phản đối kịch liệt. Họ cho rằng, tuân thủ theo chế độ hôn nhân ngoại tộc là sự kết tinh những giá trị văn hóa truyền thống của người Hàn Quốc. Trong con mắt của những người thuộc thế hệ già, nhìn chung, đều cho rằng, tương tự như ở nước ta, tốt nhất là cùng họ không nên có quan hệ hôn nhân, còn nếu định thiết lập quan hệ đó thì phải qua bốn hoặc năm đời.

Những năm sau chiến tranh, kinh tế Hàn Quốc phát triển, kéo theo đó là quá trình đô thị hóa và sự gia tăng cư dân đô thị. Quá trình đô thị hóa và sắp xếp lại nơi cư trú ở khu vực thành thị đã phá vỡ

cơ cấu xã hội truyền thống của người Hàn Quốc. Theo số liệu của nhà xã hội học Kim Kyong-Dong ở trường Đại học Tổng hợp Seoul, tỷ lệ cư dân được gọi là “tầng lớp trung lưu” mới tăng từ 6,6% lên 17,7% giữa những năm 1960 đến năm 1980. Cũng trong thời gian này tỷ lệ công nhân khu vực công nghiệp tăng từ 8,9% lên 22,6%. Cũng trong khoảng thời gian trên, nông dân và những người làm những công việc có liên quan tới nông nghiệp, thuộc tầng lớp thấp trong xã hội, giảm đáng kể. Họ chiếm 64% dân số vào năm 1960 và 31,3% vào năm 1980. Trong khi đó, tầng lớp trung lưu “cũ” đó là những người buôn bán nhỏ, những người nhà kinh doanh nhỏ và những người làm nghề thủ công tăng từ 13% lên 20,8%. Cũng theo Kim kyong-Dong, giai cấp “thượng lưu”, nắm quyền chi phối kinh tế, chính trị Hàn Quốc tăng từ 0,9% lên 1,8% cũng trong thời gian trên.

3. Gia đình hiện đại

Gia đình ở các đô thị hiện nay và đời sống xã hội ở Hàn Quốc đầu những năm 1990 bước vào gia đoạn chuyển đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại. Các mối quan hệ họ hàng phức tạp và các cơ cấu gia đình truyền thống ngày càng suy yếu, bị phá vỡ và bị thay thế bằng cấu trúc gia đình đơn giản. Gia đình hạt nhân một thế hệ (gia đình không có con cái hoặc gia đình độc thân) và hai thế hệ (bố mẹ và con cái) là một trong những xu hướng chính hiện nay. Một xu hướng khác có liên quan, đó là trào lưu đấu tranh cho quyền bình đẳng của người phụ nữ ngoài xã hội cũng như trong gia đình. Ngoài ra, cư dân ở thành thị sống và làm việc không phải giữa những người bà con họ hàng như ở vùng nông thôn trước đây, mà là giữa những người không quen biết

trong các công xưởng nhà máy, các cửa hàng, công ty, v.v... Rốt cuộc, gia tăng khuynh hướng xã hội hóa, xác định vị trí cá nhân mang tính tạm thời hơn là cố định, lâu dài; mặc dầu các mối quan hệ bạn bè thời cùng học đóng vai trò quan trọng. Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, nguồn vốn lớn đầu tư xây dựng những đường giao thông, những đường xe lửa, những đường cao tốc giúp cho việc đi lại giữa nông thôn và thành thị dễ dàng. Hệ thống giao thông hiện đại, cũng như phát triển mạng lưới thông tin liên lạc đã phá vỡ thế cô lập của các làng quê, xóa nhòa ranh giới giữa nông thôn và đô thị. Tinh cơ động của các mối quan hệ giữa con người với nhau trở lên linh hoạt hơn do con người thường xuyên thay đổi nơi cư trú do việc làm cũng như gia tăng tỷ lệ cư dân đô thị.

Ngày nay, cũng như ở Nhật Bản, công việc mỗi lái đã trở thành công việc kinh doanh ở Seoul và các thành phố khác. Các cửa hàng cà phê, các nhà hàng thường là nơi tập trung đông người những ngày nghỉ cuối tuần, là nơi hẹn hò của những cô dâu, chú rể tương lai. Trong sự chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, nhiều cô dâu chú rể đã nhờ các công ty mối lái để tìm người bạn đời cho mình. Ngày nay, ở Hàn Quốc có trên 100 công ty chuyên làm công việc mối lái dựa trên máy tính.⁽¹⁾

Dĩ nhiên, thu xếp công việc mối lái của các công ty là sản phẩm thời đại thông tin. Hàn Quốc cũng như Nhật Bản, đều là những cường quốc về công nghệ thông tin, đều có cơ sở hạ tầng cũng như số người sử dụng máy tính nhiều nhất thế

⁽¹⁾ Koreana, Spring 2003, p.35.

giới. Do vậy, việc nam nữ thanh niên dựa vào máy tính để hò hẹn, trò chuyện để rồi đi đến hôn nhân là chuyện bình thường. Theo nhiều nhà nghiên cứu, mãi đến tận cuối những năm 1970, phần lớn những cuộc hôn nhân ở Hàn Quốc vẫn là những cuộc hôn nhân do mối lái và phải sau đó thập niên, đến những năm 1980, những cuộc hôn nhân do nam nữ thanh niên tự lựa chọn mới bắt đầu gia tăng⁽²⁾. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao người ta lại phải dựa vào các công ty mối lái bằng máy tính? Theo ý kiến của nhiều người, các công ty mối lái dựa vào máy tính, ngoài những nguyên tắc khoa học của các công ty đó, còn bảo đảm được độ tin cậy. Tiện ích của việc mối lái dựa trên máy tính là ở chỗ có khả năng biết được mọi thông tin cần thiết về đối tác của mình (đĩ nhiên những dữ liệu về đối tác đều đã được công ty sưu tầm và nạp vào máy trước đó). Một người nào đó muốn tìm bạn đời, sau khi thảo luận với người tư vấn của công ty, sẽ biết tất cả mọi thứ như: trình độ học vấn, nghề nghiệp, sở thích, hoàn cảnh gia đình cũng như những tiêu chuẩn hôn nhân của đối tác. Phương thức tìm kiếm dễ dàng đối tượng với những tiêu chí phù hợp với yêu cầu đặt ra mà lại tốn ít thời gian là nguyên nhân chủ yếu khiến tầng lớp trẻ tìm đến các công ty mối lái dựa vào máy tính.

Một thay đổi khác quan trọng, đó là sự gia tăng các cuộc hôn nhân giữa những người đàn bà đã có tuổi với những người đàn ông trẻ hoặc giữa những người đàn bà đã từng lấy chồng trước đó với những người đàn ông mới lấy vợ lần đầu. Trước đây, ở Hàn Quốc tồn tại tập tục lấy vợ đã đến tuổi trưởng thành đối với những chú

re còn nhỏ tuổi và những cặp vợ chồng hiện đại trong đó người vợ già hơn chồng được xem như là sự thích nghi của tập tục này theo dòng thời gian. Tại sao những người đàn bà có tuổi lại hấp dẫn những người đàn ông trẻ, có lẽ do sức mạnh về kinh tế cũng như địa vị xã hội của người vợ mà người đàn ông có được sau khi kết hôn. Thấy có sự gia tăng số lượng đàn ông tìm kiếm những người đàn bà hơn tuổi có thể hiểu và làm cho người đàn ông thoải mái, dễ chịu giống như những bà mẹ hoặc những người chị của họ. Song, một số người lại cho rằng, những người đàn ông thời nay phần nào trở lên ngày càng yếu đuối hơn trước. Song, đó dường như cũng được xem như là sản phẩm của sự tự do tư tưởng là loại bỏ tư tưởng cũ cho rằng người đàn ông nhiều tuổi lấy vợ trẻ hoặc người đàn ông lấy vợ lần thứ hai với người đàn bà mới lấy chồng lần đầu.

Nguyên nhân trực tiếp có tác động mạnh đến quan hệ vợ chồng cũng được phát hiện trong nguồn gốc sâu xa của người Hàn Quốc, đó là tập tục ưa thích sinh con trai nối dõi. Những cố gắng để sinh được một đứa con trai như phần trên đã đề cập, đã làm mất cân đối giới tính, nhất là những người trong nhóm tuổi hôn nhân, làm cho số đàn ông nhiều hơn đàn bà. Theo số liệu của chính quyền Seoul năm 1996, thì số đàn bà hơn số đàn ông không nhiều, đến năm 1998 số đàn ông xấp xỉ bằng số đàn bà, song từ năm 2000, tỷ lệ số đàn ông tăng vọt. Do vậy, việc gia tăng các cuộc hôn nhân giữa các cô dâu đã lấy chồng một lần trước đó với các chú re mới lấy vợ lần đầu cũng là sản phẩm của nạn thừa đàn ông, và xu hướng này tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

⁽²⁾ Koreana, Spring 2003, p.36.

Internet đã làm thay đổi cuộc sống mà còn ảnh hưởng tới hôn nhân. Thay vào chỗ phải ra khỏi nhà, mất thời gian tìm kiếm, làm quen với mọi người giữa những đám đông. Trong khi đó, trong thế giới kỹ thuật số, chúng ta có thể mua bất cứ thứ gì chỉ bằng cú nhấn nút con chuột máy tính. Internet trở lên thuận tiện và rất có giá không những đối việc mua bán những thứ đồ dùng cho cưới xin, mà còn giúp cho việc thu xếp những cuộc hôn nhân. Thế hệ trẻ ngày nay sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử cho việc học tập và giải trí, mà còn hầu như vào tất cả mọi lĩnh vực hoạt động, bao gồm cả việc sử dụng internet trong việc tìm kiếm bạn đời. Người ta gọi họ là thế hệ "N" hay thế mới- thế hệ của thời internet hoặc thế hệ "NET".

4. Cơ cấu và quy mô hộ gia đình

Đại bộ phận cư dân Hàn Quốc sống trong các gia đình hạt nhân, phần còn lại là, trong các gia đình mở rộng. Gia đình ba, bốn thế hệ chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng số gia đình ở Hàn Quốc bởi vì tuổi thọ của người dân không cao, trong khi đó tỷ lệ tử vong lại khá cao trong chu kỳ sống của họ. Thậm chí, một số người có tuổi thọ khá cao nhưng vẫn sống trong cảnh nghèo túng, canh tác trên những mảnh đất nhỏ bé, sống trong các ngôi nhà tồi tàn.

Giai đoạn tri trệ của sự chuyển tiếp giữa tỷ lệ tử vong và sự chuyển tiếp tỷ lệ sinh bắt đầu kỷ nguyên mới rất có thể hình thành một số lượng lớn các gia đình mở rộng. Song, những lộn xộn về mặt xã hội cùng cộng với sự xâm chiếm của Nhật Bản làm thuộc địa và sau này là sự chiếm đóng của Mỹ, chiến tranh giữ nước cũng như công nghiệp hóa nhanh đất nước và đô thị hóa những năm gần

đây lại làm xáo trộn cuộc sống gia đình. Những số liệu thống kê của Chính phủ cho thấy tỷ lệ các gia đình nhỏ hay là các gia đình hạt nhân tăng một cách vững chắc trong những năm gần đây, nhưng điều đó không có nghĩa là các gia đình hạt nhân giống như những năm trước đó.

Năm 1995, theo số liệu điều tra dân số toàn quốc, số hộ gia đình hạt nhân chiếm 68,6% trong tổng số hộ gia đình và trong số đó có 79,8% số hộ là những người có họ hàng với nhau. Năm 1990, tỷ lệ tương ứng này là 68,1% và 76,0%⁽³⁾. Năm 1966, con số này là 64,7% và 66,8%. Tỷ lệ hộ gia đình hạt nhân không tăng trong số hộ gia đình gồm người có họ hàng với nhau nhưng lại tăng không đáng kể trong toàn bộ số hộ gia đình do sự gia tăng của các hộ gia đình độc thân. Có những khác biệt về tỷ lệ số hộ gia đình hạt nhân gồm những người có họ hàng với nhau ở những vùng nông thôn trong quá trình được đô thị hóa (80,9% ở những vùng đô thị, 76,0% ở những thị trấn và vùng nông thôn). Ở những vùng thôn quê, có sự gia tăng những hộ gia đình chỉ có người già. Hiện tượng này làm suy giảm những hộ gia đình gồm cha mẹ và con cái chưa xây dựng gia đình. Nếu như so sánh với những mặt thay đổi khác trong xã hội Hàn Quốc suốt hai thập niên qua, thì sự biến đổi về mặt nhân khẩu hay là cơ cấu (số lượng thành viên trong gia đình) là dễ nhận thấy hơn cả và điều này có ảnh hưởng đến đời sống gia đình. Cơ cấu gia đình là số lượng, thành phần và mối quan hệ qua lại giữa các thành viên và các thế hệ trong gia đình. Cơ cấu, quy mô gia đình có thể được

⁽³⁾ *Những chỉ báo xã hội Hàn Quốc*, năm 1998, tr. 119.

phân chia theo các tiêu chí về số người như: gia đình 1 người, 2 người, 3 người..., số thế hệ như gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng và tính chất của mối quan hệ giữa các thành viên như gia đình bình đẳng và bất bình đẳng. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, loại hình gia

đình đông người, nhiều thế hệ và bất bình đẳng thuộc loại quy mô, cơ cấu gia đình khuyến khích sinh đẻ (tiêu biểu cho xã hội nông nghiệp). Gia đình ít người, ít thế hệ và bình đẳng, thuộc loại cơ cấu gia đình hạn chế sinh đẻ (tiêu biểu cho gia đình xã hội công nghiệp).

Quy mô hộ gia đình Hàn Quốc từ năm 1920 đến năm 1995

Đơn vị: người

năm	1920	1930	1940	1950	1960	1970	1980	1985	1995
Số người	5,03	5,35	5,42	5,57	5,44	5,01	4,55	4,09	3,37

Nguồn: http://www.southkoreasociety.org/Extended_family ngày 25/10/2005, tr.4.

Bảng trên cho thấy trong suốt thời gian từ năm 1920 đến năm 1950, quy mô gia đình không những không giảm mà còn tăng từ 5,03 người/gia đình lên 5,57 người/gia đình. Vào đầu những năm 1960, Hàn Quốc bước vào công nghiệp hóa đất nước, nhiều nhà máy, xí nghiệp được xây dựng khắp nơi, đặc biệt ở khu vực đô thị kéo theo đó là các dòng người di cư từ nông thôn ra tìm kiếm công ăn việc làm. Những người di cư ra đô thị tìm kiếm việc làm, phần lớn là tầng lớp thanh niên và trung niên, còn những người già ở lại vùng thôn quê. Như vậy, những thành viên trong một gia đình ở nông thôn bị xé lẻ ra, những thành viên trẻ ở thành thị, còn một số (chủ yếu là cha mẹ già) vẫn tiếp tục ở lại nông thôn. Những người ra thành phố sẽ tìm việc làm và định cư tại đó, sau lấy vợ lấy chồng và tạo nên những gia đình hạt nhân mới. Như vậy, số gia đình hạt nhân gia tăng nhanh và quy mô trung bình của gia đình lại giảm. Hơn nữa, do nhiều nguyên nhân, các cặp vợ chồng ở khu vực đô thị thời kỳ công nghiệp hóa sinh ít con (thường là một hoặc hai con) làm

cho quy mô gia đình càng thu nhỏ, xấp xỉ bằng quy mô gia đình của người Nhật Bản hiện nay là 3,2 người/gia đình (quy mô gia đình Nhật Bản là 2,92 người, số liệu năm 2003)⁽⁴⁾

Theo các nhà xã hội học Hàn Quốc, những nguyên nhân chủ yếu sau làm gia tăng số lượng gia đình và giảm quy mô cũng như cơ cấu của nó như sau:

Thứ nhất, đây không phải là sự gia tăng nhanh các hộ gia đình hạt nhân mà là gia tăng cái gọi là những hộ gia đình “tạm thời” hay là những hộ gia đình “không truyền thống” đặc trưng nổi bật là về khía cạnh nhân khẩu học những thay đổi của gia đình. Ví dụ như, tỷ lệ những hộ độc thân tăng từ 2,3% năm 1960 lên 4,2% năm 1975, 6,9% năm 1985, 9,5% năm 1990 và 12,7% năm 1995⁽⁵⁾. Ở khu vực đô thị, theo các số liệu thống kê, năm 1960 số hộ độc thân là 3,4% lên 4,5% năm 1975, 6,8% năm 1985, 8,6% năm 1990 và 11,8% năm 1995. Ở khu vực nông thôn, là 2,3% năm 1960, 3,9% năm 1975, 7,2% năm 1985, 10,3% năm 1990

⁽⁴⁾ www.koreasociety.org/ks, ngày 25/10/2005.

⁽⁵⁾ *Social Indicators in Korea*, p.117.

và 15,6% năm 1995. Có điều lưu ý là sự gia tăng số hộ gia đình độc thân ở khu vực nông thôn nhanh hơn khu vực đô thị. Hầu hết các hộ gia đình hạt nhân độc thân là những người già ở lại trông nom cửa nhà để con cái di cư đến thành phố hoặc các khu công nghiệp.

Thứ hai, việc phân loại gia đình vẫn đang có những ý kiến không thống nhất giữa các nhà nghiên cứu Hàn Quốc về

gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng dẫn đến thu thập những số liệu thống kê không trùng khớp nhau, nhất là trong giai đoạn đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh ở Hàn Quốc những năm 1960 đến đầu những năm 1990. Theo tác giả Sug-In-Kweon, sự biến đổi loại hình gia đình ở Hàn Quốc từ năm 1960 đến năm 1995 như sau:

Loại hình gia đình ở Hàn Quốc từ năm 1960 đến năm 1995

Đơn vị: %

Năm	1960	1970	1975	1980	1985	1990	1995
Gia đình một thế hệ	5,30	6,75	7,06	8,81	10,46	12,00	13,7
Gia đình hai thế hệ	65,42	70,04	71,76	73,06	73,28	74,06	76,04
Gia đình ba thế hệ	29,27	23,21	21,18	18,12	16,26	13,95	11,32

Nguồn: <http://www.koreasociety-Extended family...>, tr.4, ngày 25/10/2005.

Như vậy, theo tác giả trên thì đến năm 1995 trên 80% số hộ gia đình ở Hàn Quốc là gia đình hạt nhân.

Ở Hàn Quốc nhiều hộ gia đình hạt nhân xét về mặt nhân khẩu học bao gồm hộ gia đình chỉ có người già, hộ gia đình bố mẹ độc thân(chỉ có bố hoặc mẹ) và những loại hộ gia đình khác được các nhà xã hội học gọi là “những gia đình không ổn định”. Mặc dầu tỷ lệ số hộ gia đình mở rộng giảm dần trong những năm gần đây, sự phân rã của nó dường như là kết quả của sự gia tăng số gia đình hạt nhân mà nòng cốt là sự thay đổi về nhân khẩu học dẫn đến thay đổi cơ cấu của các loại hộ gia đình trong bối cảnh kinh tế thay đổi nhanh hiện nay. Nhìn chung, sự tan rã các gia đình nông dân nghèo trong các làng quê chỉ còn lại hộ người già trong khi đó con cái của họ ra các thành phố tạo lập nên những hộ gia đình hạt nhân mới sống trong những

ngôi nhà tồi tàn, ô chuột ở vùng đô thị, đó là điểm khác biệt trong quá trình hạt nhân hóa gia đình ở Hàn Quốc trong đó các gia đình dần dần phải thích nghi, thay đổi về mặt cơ cấu gia đình cũng như các mối quan hệ gia đình theo sự đòi hỏi của một xã hội công nghiệp.

Thứ ba, thấy có một số khuynh hướng dường, như là những phương sách, mô hình mới thu xếp cuộc sống sao cho gia đình tồn tại, bảo lưu, thích nghi hoặc tăng cường chức năng trợ giúp cho cha mẹ già yếu, con cái, hoặc những thành viên khác ốm đau, tàn tật phải sống dựa vào phúc lợi xã hội. Nhìn chung, đó là một số phương sách thu xếp cuộc sống rất là linh hoạt giữa con cái đã trưởng thành và những cha mẹ già như là “sống độc lập, nhưng liền kề nhau”(con cái trưởng thành sống độc lập gần cha mẹ già để tiện chăm sóc, giúp đỡ khi cần

thiệt về mặt vật chất cũng như tinh thần), hoặc là “những gia đình mở rộng đã bị biến dạng”(cha mẹ già và con cái đã trưởng thành cùng sống với nhau chung một mái nhà, nhưng duy trì độc lập về ngân sách). Từ khi tuổi thọ của người dân gia tăng (theo số liệu thống kê, tuổi thọ của người dân Hàn Quốc không ngừng được nâng cao, từ 51,1 tuổi năm 1960 lên 67,8 tuổi năm 1991, 72,4 tuổi năm 1997 và 75 năm 2001 đối

với nam và từ 53,7 tuổi năm 1960 lên 75,7 tuổi năm 1991 và 78 tuổi năm 2001 đối với nữ) làm gia tăng người già trong xã hội đã đưa Hàn Quốc vào hàng những quốc gia “đang già hóa dân số”, do đó, đa dạng hóa những phương sách giúp đỡ người già trong mức độ nào đó đã làm yên lòng và làm nhẹ bớt gánh nặng đối với những người già sống độc lập trong môi trường thay đổi nhanh về mặt xã hội và kinh tế.

Những nguyên nhân chính để người già thích sống độc lập với con cái

	<i>Đơn vị: %</i>
Thoải mái, dễ chịu hơn	35,0
Con cái cảm thấy không thoải mái khi sống cùng cha mẹ	20,8
Không có con trai	1,3
Nhà cửa chật chội	11,8
Vì công việc	14,4
Nguyên nhân khác	16,7

Nguồn: <http://www.koreasociety.org/ks> ngày 25/10/2005, tr.4.

Phân tích những nguyên nhân, theo biểu trên, để người già thích sống độc lập với con cái hiện nay ở Hàn Quốc, thấy rằng vấn đề tâm lý đóng vai trò quan trọng. Với lý do” ở riêng thấy thoải mái, dễ chịu hơn và để con cái cảm thấy không thoải mái khi sống cùng cha mẹ” đã chiếm đến 55,8% số người già được phỏng vấn. Nhìn chung, đây là những lý do chủ yếu để người già thích sống tách biệt không phụ thuộc vào con cái. Tình hình tương tự cũng thấy có ở Nhật Bản. Những người già, nếu có điều kiện, mua nhà hoặc căn hộ sống gần con cái, tiện cho con cái chăm sóc khi ốm đau và ngược lại, cha mẹ già cũng giúp con cái

trông trẻ lúc cần. Rõ ràng, những nguyên nhân về kinh tế(nhà cửa chật chội 11,8%, vì việc làm 14,4%), ở đây không đóng vai trò quan trọng bằng yếu tố tâm lý và tình cảm. Nghiên cứu cũng cho thấy, người già tuổi càng cao, xu hướng sống cùng con cái càng nhiều. Như vậy, người già tuổi càng cao, có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do sức khỏe ngày càng giảm càng cần có con cái chăm sóc. Như năm 1997, chỉ có 22,6% số người già trong nhóm tuổi 60-64 sống cùng con cái, trong khi đó có đến 46,3% số người già trong nhóm tuổi 75-79 sống cùng con cái.

Tỷ lệ người già sống cùng con cái theo nhóm tuổi năm 1997

Đơn vị: %

Nhóm tuổi	60-64	65-69	70-74	75-79
Tỷ lệ	22,6	30,3	38,9	46,3

Nguồn: <http://www.koreasociety-Extendedfamily...tr.4>, ngày 25/10/2005.

Ngoài ra, tỷ lệ người già vì không có con trai mà phải ra ở riêng chiếm tỷ lệ rất nhỏ (1,3%) trong tổng số những người già sống độc lập với con cái được phỏng vấn, phản ánh tập tục theo chế độ gia trưởng ở Hàn Quốc ngày càng mờ nhạt

trong quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế ở Hàn Quốc. Số lượng cha mẹ già sống cùng vợ chồng người con trai cả ngày một giảm, trong thời gian từ năm 1970 đến năm 1994 giảm khoảng hai lần từ 78.2% xuống còn 39,1%.

Những người già từ 60 tuổi trở lên sống cùng người con trai cả qua các năm

Đơn vị: %

năm	1975	1981	1990	1994
Tỷ lệ	78,2	47,3	44,0	39,1

Nguồn: <http://www.koreasociety-ExtendedFamily...tr.4>, ngày 25/10/2005.

Thứ tư, các gia đình hạt nhân tăng không đáng kể do sự suy giảm nhanh tỷ lệ sinh suốt ba thập niên gần đây. Những người dân Hàn Quốc tự phải thích nghi với cuộc sống gia đình chỉ có một hoặc hai con. Theo số liệu điều tra dân số, quy mô trung bình của hộ gia đình suy giảm nhanh, từ 5,6 người/hộ năm 1960 xuống còn 5 người năm 1975, 4,1 người năm 1985, 3,7 người năm 1990 và 3,3 người năm 1995⁽⁶⁾. Xu hướng này không thấy có sự khác biệt đáng kể giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị. Ở khu vực nông thôn, hộ gia đình nào rơi vào tình trạng thiếu hụt nhân lực không thể duy trì hoạt động kinh tế, cách tốt nhất là di cư về các thành phố nương tựa nhờ các con cái. Hơn nữa, cha mẹ của một hoặc hai con không muốn con cái của họ

tiếp tục công việc đồng áng nặng nhọc mà thu nhập chẳng đáng là bao so với thu nhập của những người làm ở khu vực thành phố, trong các khu công nghiệp hoặc dịch vụ. Ở khu vực thành phố, những bậc cha mẹ của những gia đình nhỏ dường như, một mặt, cố gắng chu cấp cho con cái về vật chất cũng như tinh thần, mặt khác, ngày càng nhận thức rõ hơn nhu cầu lo cho bản thân mình khi về già.

Thứ năm, thấy có sự mất cân đối giữa khía cạnh nhân khẩu học và khía cạnh kinh tế-xã hội của sự biến đổi gia đình. Sự di cư (thay đổi nơi ở của gia đình) và sự suy giảm tỷ lệ sinh thường được xem như những vật biến thiên trung gian giữa công nghiệp hóa và hạt nhân hóa gia đình ở Hàn Quốc. Dù sao chẳng nữa, cuộc điều tra dân số năm 1989 cũng cho thấy những người di cư ra thành phố sinh

⁽⁶⁾ *Social Indicators in Korea*, 1998, p.117.

sống thường gặp khó khăn về nhà ở hơn là khó khăn tìm kiếm việc làm. Đó là những khó khăn chung cho cả khu vực nông thôn cũng như khu vực thành thị. Phải chăng vấn đề thiếu thốn về nhà cửa ẩn chứa tiềm năng dễ dàng bùng nổ những vấn đề xã hội khác ở Hàn Quốc (ít ra cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp lên cao khi nền kinh tế bước vào khủng hoảng cuối những năm 1990) do nạn đầu cơ bất động sản. Ngoài ra, sự chuyển biến tỷ lệ sinh ở khu vực nông thôn xảy ra nhanh chóng khác gì khu vực đô thị xác nhận tầm quan trọng các nhân tố tỷ lệ sinh hơn là các nhân tố thuộc công nghiệp hóa và đô thị hóa. Những kết quả đạt được của kế hoạch hóa gia đình ở khu vực nông thôn cùng với sự di cư từ nông thôn ra thành thị gia tăng hàng năm đã làm cho khu vực nông thôn thiếu hụt sức lao động trầm trọng và làm cho cuộc sống của người già rơi vào tình trạng khủng hoảng.

Tóm lại, cũng như các nước công nghiệp hóa khác, quá trình công nghiệp hóa gắn liền với quá trình đô thị hóa, gia tăng tỷ trọng cư dân đô thị là quá trình sắp xếp lại phân bố dân cư trên phạm vi cả nước đã phá vỡ cấu trúc xã hội truyền thống, trong đó có gia đình. Đây cũng là quá trình chuyển biến từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại, gia đình hạt nhân với quy mô ngày càng nhỏ gọn, thích hợp với xã hội hiện đại hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Human Development Report 1999*, UNDP 1999.

2. Mijeong Lee, *Women's Education, Work and Marriage in Korea*, Seoul National University Press, 1998.

3. <http://reference.allrefer.com/country-guide-study/south-korea/south-korea68.html> ngày 25/10/2005.

4. <http://english.president.go.kr/warp/en/korea/society/welfare/> ngày 25/10/2005

5. *Weddings Traditional and Contemporary*, Koreana, Spring 2003.

6. Ho Ng-young, *Traditional Wedding Attire*, Koreana, Spring 2003.

7. Hahm in-hee, *Modern Korean Views on Marriage*, Koreana, Spring 2003.

8. Ji Geun-hwa, *Wedding Customs in Our Time*, Koreana, Spring 2003.

9. http://www.mongabay.com/reference/country_studies/south_korea/society ngày 25/10/2005.

10. Chang Kung-sup, Ph.D, *The Family in Korean Society: Theory, Ideology, and Reality*.

11. Trần Mạnh Cát, *Gia đình Nhật Bản*, KHXH, Hà Nội, 2004.

12. Hàn Quốc: *Lịch sử và văn hóa*, nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995.

13. Khoa ngữ văn - khoa lịch sử ĐH KHXH, *Hàn Quốc: Lịch sử và văn hóa*, nxb. Văn Hóa, Hà Nội 1996.

14. *Social Indicators in Korea 1998*.

15. Đồng chủ biên Dương Phú Hiệp - Ngô Xuân Bình, *Hàn Quốc trước thềm thế kỷ XX*, KHXH, Hà Nội 1999.
